**GÓP Ý DỰ THẢO VỀ DỰ THẢO LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (“DỰ THẢO 3”)**

*Chuẩn bị bởi*

*Nhóm công tác Ngân hàng (“BWG”)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điều khoản** | **Nội dung** | **Kiến nghị** |
|  | **Điều 15****Khoản 1c** | Điều 15 chuyển đổi hình thức văn bản giấy sang thông điệp dữ liêuThông điệp dữ liệu có được từ việc số hóa các văn bản, tài liệu bằng giấy có giá trị như văn gốc văn bản giấy nếu áp ứng được đồng thời các điều kiện sauc) Trong thông điệp dữ liệu đã bổ sung thêm thông tin khẳng định việc chuyển đổi hình thức từ bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện việc chuyển đổi | Kính đề nghị Bộ TT&TT xem xét làm rõ việc số hóa văn bản, giấy tờ giấy là được thực hiện theo hình thức nào?Các hình thức như chụp ảnh, scan có được coi là số hóa văn bản hay không? Ngược lại, Bộ TT&TT đang quy định phải có con dấu, trong khi Luật Doanh nghiệp theo tinh thần bỏ con dấu của doanh nghiệp.Kính đề nghị Bộ TT&TT làm rõ các điểm trên. |
|  | **Điều 15****Khoản 1****Khoản 2** | Điều 15.1. Chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệuNội dung của thông điệp dữ liệu phải giống như trong tài liệu giấy gốc. Tuy nhiên, thông thường các tài liệu giấy chúng ta sử dụng tiếng Việt có dấu phát âm trong khi các thông điệp dữ liệu sử dụng tiếng Việt không có dấu phát âm. Vậy thông điệp dữ liệu này có được coi là "bản gốc" không? Điều 15.2. Chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy yêu cầu phải có tên hệ thống, chủ sở hữu hệ thống, tổ chức thực hiện chuyển đổi.Thông thường khi chuyển đổi/in từ một hệ thống sang giấy tờ, những thông tin đó không được bao gồm. Để tuân thủ điều này, các cải tiến hệ thống sẽ phải được thực hiện, điều này sẽ tốn rất nhiều thời gian và chi phí. Theo quan điểm của chúng tôi, việc có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu công ty là đủ đảm bảo rằng hồ sơ giấy tờ là hợp lệ. | 1. Kính đề nghị luật qui định rõ.2. Kính đề nghị quy định cho phép việc có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu công ty là đủ đảm bảo rằng hồ sơ giấy tờ là hợp lệ. |
|  | **Điều 18****Khoản 2b** | Chúng tôi hiểu đây là địa điểm quy ước. Thực tế trong giao dịch điện tử người khởi tạo có thể gửi thông điệp dữ liệu mọi lúc mọi nơi | Kính đề nghị Bộ TT&TT quy định rõ. |
|  | **Điều 20****Khoản 2b** | Chúng tôi hiểu đây là địa điểm quy ước. Thực tế trong giao dịch điện tử người khởi tạo có thể gửi thông điệp dữ liệu mọi lúc mọi nơi | Kính đề nghị Bộ TT&TT quy định rõ. |
|  | **Điều 19 khoản 2.d và đ:** | “…thông điệp đó được xem là chưa gửi cho đến khi người khởi tạo nhận được thông báo của người nhận xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu đó;”Quy định này chưa hợp lý và tiềm ẩn rủi ro đặc biệt đối với đặc thù ngành Ngân hàng. Khi Ngân hàng thông báo tới khách hàng hình thức điện tử tới địa chỉ, phương thức khách hàng đã đăng ký với Ngân hàng nhưng không thể đợi khách hàng xác nhận thì mới được xem là gửi. | Kính đề nghị Bộ TT&TT quy định phù hợp hơn. |
|  | **Điều 23:** | Hiện tại chưa có quy định pháp luật về chứng thư điện tử và cả chứng thư điện tử phát hành tại nước ngoài.Quy định tại Dự thảo 3 này không khả thi trong quá trình thực hiện. | Đề xuất: Bố sung làm rõ Trường hợp chứng thư điện tử phát hành tại nước ngoài. |
|  | **Mục 4** | **Chữ ký điện tử (Mục 4)** Hiện những quy định trong phần dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử là chưa phù hợp bởi ở đây quy định chữ ký kiện tử có 3 mức độ 1, 2 và 3; giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và sử dụng chữ ký điện tử đối vơi cơ quan nhà nước, chữ ký điện tử nước ngoài…Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử có giá trị xác nhận giao dịch của các bên, không phụ thuộc vào mức độ tin cậy của chữ ký điện từ, trừ trường hợp có quy định khác..   | Kính đề nghị Bộ TT&TT xem xét cho phép các TCTC tự quyết định chữ ký điện tử theo mức độ tin cậy tùy thuộc vào tính chất giao dịch của ngân hàng với khách hàng thay vì quy định “trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu… có mức đô tin cậy cấp độ 3” Trên thực tế toàn bộ các các giao dịch ngân hàng đều thực hiện dưới hình thức văn bản có nghĩa là toàn bộ giao dịch ngân hàng phải được thực hiện bằng chữ ký cấp độ 3 (có chứng thực bởi bên thứ 3) được xem là bước thụt lùi so với quy đinh về chữ ký điện tử tại Luật giao dịch điện tử hiện tại. |
|  | **Điều 32** | Quy định 3 cấp độNgành ngân hàng có các tiêu chuẩn kiểm soát khác so với các doanh nghiệp khác.  | Nên có quy định mở hơn ở luật này, và các Ngân hàng nên được cho phép tuân thủ luật chuyên ngành. |
|  | **Điều 32-33** | Quy định về mức độ tin cậy và giá trị pháp lý của chữ ký điện tử: Yêu cầu chữ ký điện tử cấp độ 3.  | Đề xuất quy định cụ thể đối với đối tượng “Dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử” – không áp dụng với ngành ngân hàng.  |
|  | **Điều 33****Khoản 2** | Đối với hoạt động ngân hàng, hiện các ngân hàng đang cung cấp chữ ký điện tử riêng theo tiêu chuẩn của ngân hàng cùng với các phương thức xác thực áp dụng cho từng loại hoạt động, ví dụ chữ ký điện tử áp dụng cho giao dịch điện tử, chữ ký điện tử áp dụng cho việc ký các hợp đồng dịch vụ, v.v. Yêu cầu chữ ký phải được chứng thực bởi một tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn có thể gây ra rất nhiều khó khăn cho các ngân hàng, đặc biệt khi chữ ký đang được cung cấp cho tất cả các khách hàng.  | Kính đề nghị Bộ TT&TT xem xét yêu cầu này không áp dụng cho các ngân hàng, vì các ngân hàng hiện đang cung cấp chữ ký điện tử theo tiêu chuẩn của ngân hàng (mẹ) và tuân thủ các quy định hiện hành của NHNN đối với giao dịch ngân hàng điện tử (Quyết định 630/QĐ-NHNN về xác thực giao dịch, Quyết định 35/2001 / QĐ-NHNN về Nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử, Quyết định 1789/2005/QĐ-NHNN về chứng từ kế toán ngân hàng). Ngân hàng và khách hàng có thể lựa chọn và thỏa thuận với nhau về mức độ tin cậy của chữ ký điện tử, và cả hai bên đều tự chịu trách nhiệm về việc xác thực giao dịch. |
|  | **Điều 33****Khoản 4** | Điểm này trùng lắp với quy định tại Điều 7 Dự thảo Luật này | Kiến nghị bỏ.  |
|  | **Điều 35** | Chúng tôi nhận định rằng những yêu cầu này không phù hợp với thực tế. Ngoài ra, quy định không rõ ràng về định nghĩa của chữ ký điện tử nước ngoài.Kính đề nghị luật quy định rõ liệu điều này có bao gồm chữ ký điện tử đang được sử dụng bởi ngân hàng nước ngoài mà là của ngân hàng mẹ không? Ví dụ: Đăng nhập một lần vào hệ thống nội bộ hoặc UserID / PW cho hệ thống Ngân hàng trực tuyến cho khách hàng.  | Kính đề nghị Bộ TT&TT xem xét yêu cầu này không áp dụng cho các ngân hàng, đặc biệt đối với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang sử dụng chữ ký điện tử theo tiêu chuẩn của công ty mẹ và tuân thủ các quy định của NHNN. Kính đề nghị Bộ TT&TT xem xét quy định cho phép ngân hàng và khách hàng có thể lựa chọn và thỏa thuận với nhau về loại chữ ký điện tử nước ngoài mà họ muốn sử dụng, không phải tuân theo các quy định này. |
|  | **Điều 50** | Hệ thống thông tin giao dịch điện tử được phân loại… => phân loại ntn không được nói rõ, tiêu chí phân loại là gì, có những nhóm nào. Yêu cầu làm rõ. | Đề xuất làm rõ nhóm, tiêu chí phân loại. |
|  | **Điều 52****Điều 53** | Hệ thống thông tin từ Cấp độ 3 trở lên phải áp dụng chữ ký điện tử Cấp độ 3, yêu cầu chứng nhận và duy trì hiệu lực của chữ ký. Để tuân thủ điều này, các ngân hàng sẽ phải đánh giá khả năng cải tiến hệ thống. Và về mặt kỹ thuật, sẽ rất khó khăn, mất nhiều thời gian và tiền bạc vì các ngân hàng trung bình có khoảng 50 hệ thống Cấp 3 (bao gồm cả nội bộ và Internet Banking cho khách hàng).  | Kính đề nghị Bộ TT&TT xem xét quy định cho phép ngân hàng và khách hàng có thể lựa chọn và thỏa thuận với nhau về mức độ tin cậy của tài khoản đối với giao dịch điện tử, không nhất thiết phải áp dụng tài khoản cấp độ 3. |
|  | **Điều 52 khoản 5** | “…yêu cầu được đáp ứng nếu sử dụng tài khoản giao dịch điện tử mức độ tin cậy cấp độ 3…” | Đề xuất bỏ |
|  | **Điều 56 khoản 1.c** | Bộ TT&TT có quyền ngăn chặn cung cấp không sử dụng dịch vụ… | NH hiểu ý định của BộTT&TT là để quản lý các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tin cậy – bên thứ 3 thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ TT&TT. Nhưng nền tảng số và nền tảng điện tử của Doanh nghiệp là khác nhau. Đề xuất Bộ TT&TT làm rõ và cân nhắc điều chỉnh phù hợp. |
|  | **Điều 58**  | Điều 58: Thế nào là sự cố về an toàn thông tin dữ liệu, thông báo kịp thời là thế nào | Đề nghị làm rõ |
|  | **Chương 6** | Chuơng 6: Phạm vi áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài | Đề xuất: Có quy định rõ doanh nghiệp nước ngoài/xuyên biên giới có nghĩa vụ nào cụ thể  |
|  |  | 1. Hiện tại định nghĩa nền tảng số đang gộp chung giữa nền tảng số trung gian và nền tảng số  | => điều chỉnh lại, các khái niệm không nên trộn lẫn. Cân nhắc lại 1 số nghĩa vụ, ví dụ:- Cho phép tháo dỡ bất kì cài đặt (Điều 54.4.c) -> vấn đề này liên quan đến nền tảng hệ điều hành mà các hệ điều hành lại không liên quan đến các giao dịch điện tử - Công bố công khai bộ quy tắc ứng xử: chỉ phù hợp vs 1 số nền tảng mảng xã hội, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khác không có liên quan |